

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 TCVN/QS 877:2014 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCCQ: 028.38446262-65 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00625/2025/PKQ QTKSƠN (25.0609)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 04/11/2025

- Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức (Đơn hàng: 25.609)
- Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức-479 Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 16, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh
- Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Số lượng mẫu: 1
- Ngày nhận mẫu: 29/10/2025
- Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM




Nguyễn Thị Nhạn

TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM




Ngô Văn Thanh Huy

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH




Nguyễn Thị Kim Yến

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00625/2025/PKQ QTKSƠN (25.0609)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 04/11/2025
------------------------------------	---	---

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	QT.251029.002

B. KẾT QUẢ:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2024/BYT
				QT.251029.002	
1	Coliform*	CFU/100mL	SMEWW 9222B:2023	KPH	<1
2	E.Coli*	CFU/100mL	SMEWW 9222B&H:2023	KPH	<1
3	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,01
4	Clo dư *	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,65	0,2 ÷ 1
5	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,16	2
6	Độ màu*	mg/L Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=6)	15
7	Mùi	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	không có mùi lạ	không có mùi lạ
8	pH	-	TCVN 6492:2011	7,12	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	KPH (LOD=0,006)	1
10	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	0,30	2

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (*): Thông số được công nhận VLAT – 1.0108;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCC: 028.38446262-65 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00633/2025/PKQ QTKSƠN (25.0619)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 11/11/2025

- Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức (Đơn hàng: 25.0619)
- Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức-479 Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 16, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh
- Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Số lượng mẫu: 1
- Ngày nhận mẫu: 05/11/2025
- Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM



Nguyễn Thị Nhạn

TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM



Ngô Văn Thanh Huy

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Kim Yến

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00633/2025/PKQ QTKSƠN (25.0619)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 11/11/2025
------------------------------------	---	--

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	QT.251105.001

B. KẾT QUẢ:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2024/BYT
				QT.251105.001	
1	Coliform*	CFU/100mL	SMEWW 9222B:2023	KPH	<1
2	E.Coli*	CFU/100mL	SMEWW 9222B&H:2023	KPH	<1
3	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,01
4	Clo dư *	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,65	0,2 ÷ 1
5	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,15	2
6	Độ màu*	mg/L Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=6)	15
7	Mùi	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	không có mùi lạ	không có mùi lạ
8	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	KPH (LOD=0,006)	1
10	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOD=0,24)	2

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (*): Thông số được công nhận VLAT – 1.0108;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNNĐ.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCCQ: 028.38446262-65 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00654/2025/PKQ QTKSƠN (25.0638)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 19/11/2025

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức (Đơn hàng: 25.0638)
2. Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức-479 Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 16, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Số lượng mẫu: 1
5. Ngày nhận mẫu: 12/11/2025
6. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM



Nguyễn Thị Nhận

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM



Ngô Văn Thanh Huy

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Kim Yến

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00654/2025/PKQ QTKSƠN (25.0638)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 19/11/2025
------------------------------------	---	--

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	QT.251112.001

B. KẾT QUẢ:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2024/BYT
				QT.251112.001	
1	Coliform*	CFU/100mL	SMEWW 9222B:2023	KPH	<1
2	E.Coli*	CFU/100mL	SMEWW 9222B&H:2023	KPH	<1
3	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,01
4	Clo dư *	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,66	0,2 ÷ 1
5	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,16	2
6	Độ màu*	mg/L Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=6)	15
7	Mùi	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	không có mùi lạ	không có mùi lạ
8	pH	-	TCVN 6492:2011	7,14	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	KPH (LOD=0,006)	1
10	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOD=0,24)	2

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (*): Thông số được công nhận VLAT – 1.0108;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm.

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCCQ: 028.38446262-65 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00657/2025/PKQ QTKSÔN (25.0650)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 26/11/2025

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thử Đức (Đơn hàng: 25.0650)
2. Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thử Đức-479 Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 16, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Số lượng mẫu: 1
5. Ngày nhận mẫu: 19/11/2025
6. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM



Nguyễn Thị Nhạn

TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM



Ngô Văn Thanh Huy

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Kim Yến

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00657/2025/PKQ QTKSƠN (25.0650)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 26/11/2025
------------------------------------	---	---

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	QT.251119.001

B. KẾT QUẢ:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2024/BYT
				QT.251119.001	
1	Coliform*	CFU/100mL	SMEWW 9222B:2023	KPH	<1
2	E.Coli*	CFU/100mL	SMEWW 9222B&H:2023	KPH	<1
3	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,01
4	Clo dư *	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,71	0,2 ÷ 1
5	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,17	2
6	Độ màu*	mg/L Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=6)	15
7	Mùi	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	không có mùi lạ	không có mùi lạ
8	pH	-	TCVN 6492:2011	7,18	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	KPH (LOD=0,006)	1
10	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	0,30	2

- Ghi chú:**
- QCVN 01-1:2024/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
 - (*): Thông số được công nhận VLAT – 1.0108;
 - (-): Không quy định/không thực hiện;
 - KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
 - Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm.

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.